TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2025/HS-ST
Ngày 27/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thanh Tùng.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn V;
Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm: 1992 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Nam C, xã H Ninh, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Tạ Thị T; Có vợ là: Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/8/2017, bị TAND huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2017/HSST); Ngày 25/01/2019, bị TAND huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với 24 tháng tù tại Bản án số 99/2017/HSST ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội. Buộc phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 33 tháng tù (Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST). Ngày 06/02/2021, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định

khác của bản án. Đã được xóa án tích; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến ngày 02/02/2024; có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Văn L, sinh năm: 1974 tại Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Thắng T, xã Minh T, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn B và bà: Dương Thị C; có vợ là: Ngô Thị Y và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án: Không; tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1981 tại Phú Thọ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng T và bà: Chu Thị T; có vợ là: Nguyễn Thị D và 02 con sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/9/2004, bị Công an huyện Sóc Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ (dao), hình thức: Phạt tiền 2.000.000đ. Tuy nhiên, rà soát sổ sách lưu trữ tại Công an huyện Sóc Sơn thời điểm năm 2003, 2004 thể hiện: Ngày 18/6/2003 có QĐ xử phạt vi phạm hành chính số 171, không thể hiện hành vi vi phạm và mức phạt tiền; Tiền án: Ngày 22/02/2008, bị TAND thị xã Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 24 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. (Bản án hình sự sơ thẩm số 05/20008/HSST). Đã được xóa án tích; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Dương Văn C, sinh năm: 1967 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là: Nguyễn Thị T và 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/4/1993, bị TAND huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản công dân, quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985(Bản án hình sự sơ thẩm số 14/HSST). Đã được xóa án tích; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1994 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Nguyễn Thị L; có vợ là: Lê Thị T và 01 con sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/7/2021, bị Công an xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức: Phạt tiền 1.250.000đ (Quyết định số 106624/QĐ-XPHC); Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1969. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn Thanh S, xã Minh P, huyện S, thành phố H.
2. Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 2003. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H.
3. Anh Trần Văn V, sinh năm 1982. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H.
4. Anh Chu Văn T, sinh năm 1968. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H.
5. Chị Trương Thị H, sinh năm 1967. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn Bái T, xã Thanh X, huyện S, thành phố H.
6. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974. (Vắng mặt).
Trú tại: Thôn Xuân L, xã Tân D, huyện S, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/12/2023, Nguyễn Đức T thỏa thuận với Dương Văn C, sinh năm 1967; Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 cùng trú tại thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội, Dương Văn L, sinh năm 1974, trú tại thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội; Nguyễn Thị Nhủ, sinh năm 1969, trú tại thôn H Lương, xã H Ninh, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội về việc: C, Văn T, L và Nhủ là người trực tiếp (gọi là thư ký) bán số lô, số đề cho khách, sau đó tổng hợp bảng kê hàng ngày chuyển cho Đức T (chủ đề) để hưởng hoa hồng. Sau khi có kết quả sổ số miền Bắc, Đức T sẽ đối chiếu với các bảng ghi số lô, số đề để xác định số tiền thắng thua và thanh toán tiền thắng cho khách, thanh toán tiền hoa hồng cho thư ký. Ngày 23/12/2023, Đức T đã nhận tổng cộng 07 bảng ghi số lô, số đề (L 04 bảng; C, Văn T và Nhủ mỗi người 01 bảng) cụ thể như sau:

*** Bảng của Dương Văn C:** C bán cho khách với giá 23.000 đồng/01 điểm lô, Đức T nhận lại với giá 21.800 đồng/01 điểm lô (C được hưởng L 1.200 đồng/1 điểm lô). Đối với số đề, lô xiên C bán cho khách 100% (tương ứng 1.000 đồng/01 số đề), Đức T mua lại của C là 83% (tương ứng với 870 đồng/01 số đề), C được hưởng L 17% (tương ứng 170đồng/01 số đề) so với tổng số tiền đề thu được của khách. Ngày 23/12/2023, C đã bán số lô, số đề cho khách được thua bằng tiền, rồi chuyển lại cho Đức T cụ thể như sau:

- **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1969, trú tại thôn Thanh Sơn, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua số đề với tổng số tiền là **600.000** đồng, B đã thanh toán

bằng tiền mặt cho C.

- **Nguyễn Việt H**, sinh năm 2003, trú tại thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua số lô, số đề tổng số tiền là **280.000 đồng,** H đã thanh toán bằng tiền mặt cho C. H thắng 10 điểm lô, C đã trả 800.000đ cho H.

- **Trần Văn V**, sinh năm 1982, trú tại thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua tổng số tiền lô, tiền đề là **300.000 đồng**. V đã chuyển khoản 300.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của C.

- Chu Văn T, sinh năm 1968, trú tại thôn Thanh Nhàn, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua tổng số tiền đề là **950.000 đồng**, T đã thanh toán số tiền này cho C.

- **Trương Thị H,** sinh năm 1967, trú tại thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua tổng số tiền lô, tiền đề là **3.052.000 đồng** (trong đó 1.120.000 đồng tiền đề, 1.932.000 đồng tiền lô). H chưa trả tiền cho C.

- **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1994, trú tại thôn Bái Thượng, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội đã mua tổng số lô, số đề là **6.980.000 đồng**, đã thanh toán bằng tiền mặt cho C. L trúng 80 điểm lô. C đã trả L 6.400.000đ.

- **Nguyễn Văn K,** sinh năm 1974, trú tại thôn Xuân L, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội mua tổng số tiền lô và lô xiên là **1.250.000 đồng**, đã thanh toán bằng tiền mặt cho C.

- **Dương Văn Đoàn** mua 20 điểm số lô 75 là **460.000 đồng**, đã thanh toán bằng tiền mặt cho C. Đoàn trúng 20 điểm lô là 1.600.000đ. C chưa thanh toán cho Đoàn do không xác định nhân thân, lai lịch.

- Ngoài ra, C bán **8.740.000 đồng** tiền lô, đề cho nhiều khách vãng lai (không xác định nhân thân và lai lịch của những người này).

Tổng số tiền lô, tiền đề C bán lô, đề là **22.632.000 đồng**, C chưa chuyển tiền cho Đức T. Nếu không bị phát hiện, thì sau khi thanh toán thắng thua, C và Đức T sẽ thanh toán cho nhau theo tỷ lệ: tiền đề, tiền lô xiên là 12.880.000 đồng. C được hưởng L số tiền là 2.189.600 đồng; số tiền lô là 424 điểm lô x 23.000 đồng/01 điểm lô = 9.752.000 đồng, C được hưởng L số tiền là 508.800 đồng. C đã sử dụng tiền thu của khách để thanh toán cho các đối tượng thắng bạc là **7.200.000 đồng**.

Tổng số tiền bị cáo Dương Văn C sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc là: **29.832.000 đồng**.

*** Bảng của Dương Văn L:** L bán cho khách với giá 22.000 đồng/01 điểm lô, Đức T nhận lại với giá 21.800 đồng/01 điểm lô (L được hưởng L 200 đồng/1 điểm lô). Đối với số đề, lô xiên L bán cho khách 850 đồng/01 số đề, Đức T nhận lại của L với 820 đồng/01 số đề, L được hưởng L 30 đồng/01 số đề so với tổng số tiền đề thu được của khách. Ngày 23/12/2023, L đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề theo kết quả sổ số miền bắc cho khách (không rõ nhân thân lai, lịch của khách) được thua bằng tiền, rồi chuyển lại 04 bảng số lô, số đề cho Đức T cụ thể như sau:

- Bảng 1: 16.050.000 đồng tiền bán số đề; 6.380.000 đồng tiền bán số lô.

- Bảng 2: 17.350.000 đồng tiền bán số đề; 20.020.000 đồng tiền bán số lô.

- Bảng 3: 19.500.000 đồng tiền bán số đề; 11.000.000 đồng tiền bán số lô.

- Bảng 4: 7.945.000 đồng tiền bán số đề.

Tổng số tiền lô, tiền đề là 98.225.000 đồng (trong đó số tiền đề, tiền 03 càng, L thu được của khách là 60.825.000 đồng x 85% = 57.701.250 đồng). L chưa chuyển tiền cho Đức T. Nếu không bị phát hiện thì L được hưởng L số tiền là 57.701.250 x 3% = 1.731.037 đồng; tổng số điểm lô là 1.700 điểm x 22.000 đồng/1 điểm lô = 37.400.000 đồng, L được hưởng L là 1.700 điểm x 200 đồng là 340.000 đồng).

*** Đối với Nguyễn Văn T:** Văn T bán cho khách với giá 22.500 đồng/01 điểm lô, Đức T nhận lại với giá 21.800 đồng/01 điểm lô (Văn T được hưởng L 700 đồng/1 điểm lô); Đối với số đề, số 3 càng Văn T bán cho khách là 950 đồng/01 số đề, Đức T nhận lại của Văn T là 830 đồng/01 số đề, Văn T được hưởng L 120 đồng/01 số đề so với tổng số tiền đề thu được của khách. Ngày 23/12/2023, Văn đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề theo kết quả sổ số miền bắc cho khách (không rõ nhân thân lai, lịch của khách) được thua bằng tiền, rồi chuyển lại 01 bảng số lô, số đề cho Đức T.

Tổng số tiền lô, tiền đề và tiền ba càng, Văn T thu được của khách là **29.845.000 đồng** (trong đó, tiền đề và ba càng là **12.295.000 đồng**, Văn T được hưởng L số tiền là 1.475.000 đồng; số tiền lô là 780 điểm lô x 22.500 đồng/01 điểm lô = **17.550.000** đồng, Văn T chưa chuyển tiền cho Đức T. Nếu không bị phát hiện thì Văn T được hưởng L số tiền là 546.000 đồng).

*** Đối với Nguyễn Nguyễn Thị Nhủ:** Nhủ bán cho khách với giá 21.800 đồng/01 điểm lô, Đức T mua lại với giá 21.800 đồng/ 01 điểm lô ; Đối với số đề và lô xiên, Nhủ bán cho khách 100% (tương ứng 1.000 đồng/ 01 điểm đề), Đức T mua lại của Nhủ là 82% (tương ứng với 820 đồng/01 điểm đề), Văn T được hưởng L 18% (tương ứng 180 đồng/01 điểm đề) so với tổng số tiền đề thu được của khách. Ngày 23/12/2023, Nhủ bán số lô, số đề cho khách (không rõ nhân thân lai, lịch của khách) được thua bằng tiền, rồi bán lại 01 bảng số lô, số đề cho Đức T. Tổng số tiền lô, tiền đề và tiền lô xiên hai, Nhủ thu được của khách là 3.573.000 đồng, trong đó tiền đề và lô xiên hai là 3.050.000 đồng. Nhủ chưa chuyển tiền cho Đức T. Nếu không bị phát hiện, Nhủ được hưởng L số tiền đề 459.000 đồng, số tiền lô là 24 điểm lô x 21.800 đồng/01 điểm lô = 523.000 đồng.

* *Vật chứng thu giữ gồm:*

- 07 bảng kê giấy ghi số lô, số đề được đề ngày 23/12/2023 (đã được đưa vào hồ sơ vụ án theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang);

- Thu giữ của của Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A73 5G, màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ;

- Thu giữ của Dương Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy A14.

Đối với chiếc máy in tại nhà Đức T dùng để in các bảng lô, đề do thư ký chuyển đến, gia đình bị cáo Đức T đã vứt bỏ chiếc máy in trên nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản Cáo trạng số 300/CT-VKS ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Nguyễn Đức T, Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Văn L về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:*

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức T** mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến ngày 02/02/2024.

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:*

Xử phạt: Bị cáo **Dương Văn L** mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- *Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:*

+ Xử phạt: Bị cáo **Dương Văn C** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án

- *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:*

+ Bị cáo **Nguyễn Văn L** mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến18 tháng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 98.225.000đ của Dương Văn L; 6.400.000đ của Nguyễn Văn L; số tiền 12.380.000đ của Dương Văn C; số tiền 800.000đ của Nguyễn Việt H; số tiền 3.573.000đ của Nguyễn Thị Nhủ; số tiền

3.052.000đ của Trương Thị H; số tiền 29.845.000đ của Nguyễn Văn T. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy A14 thu giữ của Dương Văn C; Trả lại cho Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A73, màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; Biên bản phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 10 ngày 23/12/2023, tại thôn Nam Cương, xã H Ninh, địa bàn huyện Sóc Sơn, Tp Hà Nội, Công an huyện Sóc Sơn bắt quả tang Nguyễn Đức T có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô, số đề với các khách mua thông qua các thư ký: Dương Văn C, Dương Văn L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Nhủ. Tổng số tiền Nguyễn Đức T đánh bạc trên 07 bảng cáp đề thu giữ là 161.455.000đ (trong đó: 154.255.000đ tiền bảng; 7.200.000đ tiền lô, đề đã trả thưởng cho khách trúng), cụ thể:

- Dương Văn C chuyển 01 bảng số lô, số đề cho Đức T với tổng số tiền bảng là 29.832.000 đồng (trong đó: 22.632.000đ tiền bán lô đề, 7.200.000đ là tiền C đã trả thưởng cho khách sau khi Đức T bị Công an bắt). C chưa chuyển tiền cho Đức T, nếu không bị phát hiện, C được hưởng L tổng số tiền là 2.698.400;

- Dương Văn L chuyển cho Đức T 04 bảng ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 98.225.000 đồng. L chưa chuyển tiền cho Đức T, nếu không bị phát hiện, L được hưởng L là 2.071.037 đồng;

- Nguyễn Văn T chuyển cho Đức T 01 bảng ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 29.845.000 đồng, Văn T chưa chuyển tiền cho Đức T, nếu không bị phát hiện, Văn T được hưởng L số tiền là 2.021.000 đồng;

- Nguyễn Thị Nhủ chuyển cho Đức T 01 bảng ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 3.573.000 đồng. Nhủ chưa chuyển tiền cho Đức T, nếu không bị phát hiện, Nhủ

được hưởng L số tiền là 459.000 đồng.

Nguyễn Văn L có hành vi mua số lô, số đề của Dương Văn C với tổng số tiền là 13.380.000 đồng (trong đó, tiền mua lô đề là 6.980.000đ, tiền thắng lô, đề C đã trả cho L là 6.400.000đ).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C đã phạm tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Hành vi của Nguyễn Văn L đã phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 300 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Nguyễn Đức T, Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Văn L về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế gia đình của các bị cáo đồng thời làm cho tệ nạn xã hội gia tăng, là nguyên nhân phát sinh những hành vi vi phạm pháp luật khác và làm cho tình hình xã hội thêm phức tạp. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay và có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là rất cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đức T là người trực tiếp nhận bảng ghi lô đề từ các thư ký, bị cáo có vai trò chính. Tiếp theo là các bị cáo Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C là người có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng C; bản thân bị cáo được tặng thưởng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh Tổ quốc của Bộ trưởng Bộ Công an; Bị cáo Nguyễn Văn T có bố đẻ bị nhiễm chất độc hóa học trong thời gian tham gia kháng C; Bị cáo là nạn nhân của chất độc màu da cam được hưởng chế độ theo Thông báo số 121/TB-LĐTBXH ngày 18/9/2006 của Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện Sóc Sơn; Bị cáo Dương Văn C quá trình điều tra đã tự nguyện ra cơ quan Công an đầu thú nên các bị cáo L, Văn T, C đều được hưởng tình tiết giảm

nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đức T: Có 02 tiền án đã được xóa, trong đó có 01 tiền án về cùng 01 loại tội; trong vụ án này bị cáo có vai trò chính nên đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một hời gian nhất định.

- Bị cáo Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, chưa thu lời từ việc làm thư ký đề cho Đức T. Các bị cáo đều có nhiều tính tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú, ổn định rõ ràng nên có thể cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

- Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mặc dù về nhân thân bị cáo có 01 tiền sự về hành vi Cố ý gây thương tích nhưng thực tế bị cáo chưa nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cũng từ thời điểm Công an xã Mai Đình ra Quyết định xử phạt hành chính đến nay đều không thực hiện việc đôn đốc nộp phạt, mặt khác tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt hành chính, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền ít; có nơi cư trú, ổn định rõ ràng nên có thể cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng có đủ tác dụng phòng ngừa.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội. Tuy nhiên, xét việc các bị cáo có thu nhập thuộc mức trung bình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền các bị cáo C, Văn T, L, Nhủ nhận từ các đối tượng đánh bạc, số tiền Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn L trúng thưởng, số tiền H tham gia đánh bạc nhưng chưa chuyển cho C cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Cụ thể như sau:

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 98.225.000đ của Dương Văn L ; số tiền 6.400.000đ của Nguyễn Văn L; số tiền 12.380.000đ của Dương Văn C; số tiền 800.000đ của Nguyễn Việt H; số tiền 3.573.000đ của Nguyễn Thị Nhủ; số tiền 3.052.000đ của Trương Thị H; số tiền 29.845.000đ của Nguyễn Văn T.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy A14 thu giữ của Dương Văn C là công vụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A73, màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ thu giữ của Nguyễn Đức T, quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với Chu Văn T, Trần Văn V, Trương Thị H, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn B có hành vi mua số lô, số đề của Dương Văn C nhưng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặt khác,

các số lô, số đề này đều được các đối tượng mua cho bản thân, không mua hộ hay chuyển hộ ai khác và bản thân các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi Đánh bạc nên hành vi không cấu thành tội phạm hình sự. Tuy nhiên, hành vi đánh bạc trái phép của Nguyễn Thị Nhủ, Chu Văn T, Trần Văn V, Trương Thị H, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn B đã vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, Điều 28, Nghị định 144/2021/NĐ-VP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Do đó, Công an huyện Sóc Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000đ/người là đúng quy định.

Đối với Dương Văn Đoàn không xác định được nhân thân nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Dương Văn L, Nguyễn Văn T, Dương Văn C phạm tội "Tổ chức đánh bạc". Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: **Nguyễn Đức T 16** (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến ngày 02/02/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: **Dương Văn L 14** (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Dương Văn C 12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: **Nguyễn Văn L 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Dương Văn L cho UBND xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Văn C, Nguyễn Văn L cho UBND xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 98.225.000đ của Dương Văn L ; số tiền 6.400.000đ của Nguyễn Văn L; số tiền 12.380.000đ của Dương Văn C; số tiền 29.845.000đ của Nguyễn Văn T; số tiền 800.000đ của Nguyễn Việt H; số tiền 3.573.000đ của Nguyễn Thị Nhủ; số tiền 3.052.000đ của Trương Thị H.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy A14 thu giữ của Dương Văn C.

- Trả lại cho Nguyễn Đức T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A73, màu đen bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2024 giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sóc Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng